

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; văn bản số 4986/BNN-PCTT ngày 28/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quan điểm:

- Phòng, chống sạt lở bờ sông nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, công trình phòng chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, ổn định dân sinh là nhiệm vụ của các cấp, ngành, đặc biệt là của chính quyền địa phương, là trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân.

- Phải chủ động phòng ngừa sạt lở, tránh tình trạng thụ động; khi xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các địa phương, đặc biệt là xây dựng các khu đô thị, dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ven sông phải đề phòng nguy cơ sạt lở và không làm tăng nguy cơ sạt lở.

- Phòng, chống sạt lở bờ sông phải được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, chủ động, đồng bộ; ưu tiên bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng quan trọng. Khi xảy ra sạt lở phải tập trung ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại, xử lý khẩn cấp trước mắt, đồng thời phải có giải pháp căn cơ lâu dài; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, không làm tăng nguy cơ sạt lở, gắn với bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và thu hút nguồn nhân lực ngoài ngân sách cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông. Đề cao sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý bờ sông, lòng sông.

2. Mục đích:

- Chủ động quản lý, phòng, chống sạt lở bờ sông; làm cơ sở để các cấp, các ngành của Thành phố huy động nguồn lực, chủ động thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống sạt lở bờ sông góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Công tác phòng, chống sạt lở bờ sông phải được tiến hành chủ động và thực hiện thường xuyên, đồng thời ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra theo phương châm "4 tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và theo nguyên tắc cơ bản trong phòng chống thiên tai "phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả".

3. Yêu cầu:

- Điều tra, đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông; phân đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành bản đồ về hiện trạng sạt lở, công trình phòng chống sạt lở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát sạt lở và quản lý bờ sông, lòng sông, giảm thiểu tác động làm gia tăng nguy cơ sạt lở; phân đấu đến năm 2025 các khu dân cư ven sông ở vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đều được cảnh báo kịp thời và được hướng dẫn kỹ năng ứng phó khi xảy ra sạt lở.

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà cửa tại khu vực ven sông. Chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông; phân đấu đến năm 2030 hoàn thành 90% việc di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều, bảo đảm an toàn cho các vùng ven sông, thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần giảm thiểu thiệt hại do sạt lở bờ sông. Phân đấu đến năm 2025, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều (nhất là các tuyến đê đã được phân cấp), cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông; đến năm 2030, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực có nguy cơ sạt lở, hoàn thành việc chính trị ổn định dòng chảy tại một số phân lưu, hợp lưu, trên các đoạn sông chính, khu vực có diễn biến xói, bồi phức tạp.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong đó bao gồm loại hình thiên tai sạt lở bờ sông. Xây dựng kế hoạch và lồng ghép nội dung phòng chống sạt lở bờ sông vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của các địa phương.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ:

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về phòng, chống sạt lở bờ sông nhằm giảm nguy cơ sạt lở, rủi ro do sạt lở.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ sông.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động ven sông ảnh hưởng đến sạt lở (khai thác cát, xây dựng công trình, nhà cửa, hoạt động giao thông thủy, hoạt động khai thác nước ngầm).

- Hiện đại hóa công tác quan trắc, lắp đặt camera giám sát sạt lở, dự báo, kịp thời cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực để phòng, chống sạt lở bờ sông.

- Xây dựng công trình tại các khu vực trọng điểm để phòng, chống sạt lở, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và công trình hạ tầng thiết yếu.

2. Giải pháp:

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách và xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác phòng, chống sạt lở bờ sông:

- Rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố để tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, nhất là quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông (xác định ranh giới, khu vực khai thác, khu vực cấm khai thác), xây dựng công trình ven sông và xử lý sạt lở bờ sông, chủ động ứng phó, khắc phục sạt lở, đảm bảo an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

- Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để rà soát hoàn thiện chính sách nhằm khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phòng, chống sạt lở bờ sông; cũng như huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở, ổn định đời sống của người dân.

- Điều tra cơ bản về sạt lở, dân cư và công trình hạ tầng ven sông trên cơ sở đó xây dựng cơ sở dữ liệu về sạt lở, dân cư và công trình phòng, chống sạt lở, trong đó ưu tiên thực hiện tại những khu vực đang có diễn biến sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở trên các hệ thống sông chính.

- Điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát, thực trạng khai thác cát và các yếu tố thủy văn có tác động đến sạt lở bờ sông.

- Nghiên cứu xây dựng phương án tổng thể chỉnh trị và phòng, chống sạt lở bờ sông với các sông chính thuộc hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình và hệ thống sông Đáy để cập nhật vào quy hoạch Thủ đô Hà Nội theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách trước mắt, giải pháp căn cơ lâu dài, các công trình, phi công trình để phòng, chống sạt lở:

- Giải pháp cấp bách:

+ Tổ chức cấm biển cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác cát trên sông, khắc phục tình trạng mất cân bằng bùn cát để hạn chế nguy cơ sạt lở; ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác cát trái phép, nhất là tại các khu vực cảnh báo có nguy cơ sạt lở.

+ Tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực bờ sông bị sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm, bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quận, huyện, thị xã.

+ Xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở, trong đó tập trung xử lý khẩn cấp các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông nhất là khu vực gần đê.

+ Kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc xây dựng, nâng cấp công trình, nhà ở ven sông tránh bị ảnh hưởng do sạt lở và làm gia tăng nguy cơ sạt lở.

- Giải pháp lâu dài:

+ Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tổ chức và người dân về phòng chống sạt lở bờ sông.

+ Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, chủ động di dời các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở, trước hết là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát diễn biến sạt lở bờ sông, lòng dẫn và tổ chức quan trắc, giám sát, nghiên cứu và cảnh báo các khu vực có nguy cơ sạt lở bờ sông, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở trên địa bàn Thành phố theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông; công trình chỉnh trị sông nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, bờ sông tại các khu vực trọng điểm, vùng có diễn biến bồi, xói phức tạp; xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

c) Ứng dụng khoa học công nghệ phòng, chống sạt lở bờ sông:

- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ về vật liệu mới thay thế cát sử dụng trong xây dựng, các giải pháp thay thế cát san lấp, tiến tới không sử dụng cát để san lấp.

- Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước ngầm, sự thay đổi chế độ dòng chảy, sụt lún đất, suy giảm bùn cát đến sạt lở bờ sông; dự báo xu thế và cảnh báo sạt lở bờ sông dưới tác động của biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông phù hợp với điều kiện của thành phố Hà Nội.

d) Hợp tác quốc tế: Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chia sẻ thông tin dữ liệu, kinh nghiệm trong phòng, chống sạt lở bờ sông; đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các tổ chức quốc tế đối với công tác phòng, chống sạt lở.

d) Huy động nguồn lực: Chủ động bố trí ngân sách của Thành phố, tranh thủ sự hỗ trợ từ Trung ương; đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn lực từ khối tư nhân, doanh nghiệp và người được hưởng lợi cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông.

III. NGUỒN VỐN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện:

- Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục sự cố sạt lở cấp bách, đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở quan trọng vượt quá khả năng của ngân sách Thành phố và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách Thành phố và Quỹ phòng, chống thiên tai để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống sạt lở thuộc trách nhiệm của Thành phố và

đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở nhằm bảo vệ công trình tài sản của doanh nghiệp, tổ chức cá nhân và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở theo cơ chế, chính sách huy động vốn ngoài ngân sách của cấp có thẩm quyền.

- Các đơn vị được giao thực hiện Kế hoạch có trách nhiệm xây dựng, tham mưu đề xuất và sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp và phù hợp với các cơ chế, chính sách, chế độ hiện hành của Trung ương và Thành phố (về đối tượng; phạm vi; nội dung, mức chi; nguồn kinh phí; trình tự, thủ tục triển khai thực hiện).

2. Kinh phí cho giải pháp công trình:

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng công trình, sự cần thiết đầu tư, việc đầu tư công trình phòng, chống sạt lở bờ sông được chia thành 02 giai đoạn với tổng kinh phí dự tính khoảng 4.020 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1 (2021-2025): Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở theo danh mục đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, kinh phí khoảng 1.100 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

b) Giai đoạn 2 (2026-2030): Đầu tư xây mới công trình chống sạt lở và tu sửa, nâng cấp công trình phòng chống sạt lở, kinh phí khoảng 2.900 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2,3 kèm theo).

3. Kinh phí cho giải pháp phi công trình:

Sử dụng nguồn chi thường xuyên hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ: tuyên truyền, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát sạt lở bờ sông, diễn biến lòng dẫn, nghiên cứu các giải pháp công nghệ, kinh phí khoảng 20,0 tỷ đồng..

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

4. Kinh phí cho xử lý khẩn cấp, ngăn chặn tình trạng sạt lở:

Ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách Thành phố để thực hiện các dự án xử lý khẩn cấp, kịp thời ngăn chặn tình trạng sạt lở xảy ra hàng năm.

(Thực hiện theo lệnh xây dựng công trình khẩn cấp).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm trước ngày 30/6 và báo cáo hàng năm trước ngày 31/12).

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các quận, huyện, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ chế chính sách của địa phương nhằm khuyến khích, hỗ trợ công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học

công nghệ và thu hút nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn Thành phố; cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở trên địa bàn Thành phố theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đề xuất xây dựng, quản lý, duy tu công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, trong đó tập trung xử lý khẩn cấp các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông (danh mục công trình kèm theo).

- Thực hiện và hướng dẫn thực hiện việc quan trắc, giám sát sạt lở bờ sông, nhất là tại các khu vực đang có diễn biến sạt lở phức tạp và khu vực có nguy cơ sạt lở cao (xây dựng hệ thống quan trắc, tổ chức quan trắc, giám sát) để đánh giá mức độ sạt lở và có giải pháp xử lý phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông thuộc trách nhiệm của Sở để đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn và hàng năm, đồng thời lồng ghép vào các chương trình, dự án khác.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tổng hợp, đề xuất nguồn vốn thực hiện Kế hoạch trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm trên cơ sở khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách Thành phố, các nguồn vốn khác theo chức năng nhiệm vụ được giao và quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định hiện hành của Nhà nước. Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về quản lý Quỹ phòng chống thiên tai.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế chính sách của Thành phố nhằm khuyến khích và thu hút nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn Thành phố và di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở cao. Thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức đánh giá, quan trắc diễn biến dòng chảy và các yếu tố thủy văn có tác động đến sạt lở bờ sông, lòng sông. Hướng dẫn kiểm soát hoạt động khai thác cát lòng sông, giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ sông.

5. Sở Xây dựng quản lý hướng dẫn việc nghiên cứu vật liệu mới thay thế nhằm giảm sử dụng cát trong xây dựng và san lấp.

6. Sở Quy hoạch Kiến trúc quản lý hướng dẫn quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn để chủ động phòng chống sạt lở giảm thiểu nguy cơ bị ảnh hưởng do sạt lở bờ sông gây ra.

7. Sở Giao thông Vận tải thực hiện và phối hợp thực hiện công tác quản lý, khai thác, duy tu, duy trì các công trình hạ tầng giao thông trên sông, ven sông theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định để đảm bảo an toàn và giảm tác động gây sạt lở. Phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng mới các công trình giao thông, nạo vét luồng lạch và hoạt động

của các phương tiện giao thông đường thủy nội địa tránh làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông.

8. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát cơ chế chính sách, tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phòng, chống sạt lở bờ sông; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức khoa học thực hiện nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới để phòng chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, tập trung vào các giải pháp mềm, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

9. Các Sở, ngành khác theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các quận, huyện, thị xã chỉ đạo, rà soát các công trình hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị ven sông, các hoạt động nạo vét luồng lạch, khai thác cát lòng sông và có biện pháp đảm bảo an toàn, giảm thiểu tác động gây sạt lở; tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng công trình hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị an toàn phòng chống thiên tai.

10. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tổ chức và người dân về phòng, chống sạt lở bờ sông.

- Tổ chức quản lý, sử dụng bãi sông, bãi nổi trên địa bàn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai và các quy định pháp luật khác có liên quan; kiên quyết xử lý, thu hồi theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý, thu hồi đối với các khu vực diện tích đất bãi sông, ven đê sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật.

- Kiểm soát hoạt động khai thác cát lòng sông, ngăn chặn khai thác cát trái phép, nhất là tại các khu vực đã được cảnh báo có nguy cơ sạt lở; quản lý chặt chẽ vùng đất ven sông không để xây dựng, nâng cấp công trình, nhà ở ven sông làm tăng nguy cơ sạt lở, bị rủi ro do sạt lở.

- Di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm; từng bước sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: *Xm*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP: N.M.Quân, V.T.Anh, C.N.Trang, KTN, ĐT, TN&MT, TH;
- Lưu: VT, KTN (Báo)

67570 - 6 *lms*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *h*
KT. CHỦ TỊCH *e*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA NHỮNG VỊ TRÍ BỜ SÔNG SẠT LỖ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 21/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/01/2023)

TT	Công trình	Lý trình theo đề Km - Km	Chiều dài (m)	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
	Tổng		35.643	1.101	
1	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực của sông Đuống thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1			406	2022 - 2025
2	Kè chống sạt lở bờ tả sông Hồng từ K84+600 đến K86+389 đê hữu Hồng khu vực xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	K84+600 - K86+389	1.789	100	2022 - 2025
3	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (từ K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tinh Quang (từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), phường Giang Biên, quận Long Biên	K4+200 - K4+500 K6+500 - K6+900	700	70	2022 - 2024
4	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đuống từ K10+135 đến K11+000 đê tả Đuống, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	K10+135 - K11+000	865	65	2022 - 2024
5	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà, sông Hồng trên địa bàn huyện Ba Vì (sông Đà đoạn từ K2+250 đến K4+100; sông Hồng đoạn từ K25+00 đến K26+00; kè Minh Châu đoạn từ K15+000 đến K16+000)	K2+250 - K4+100 K15+000 - K16+000 K25+000 - K26+000	4.000	180	2023 - 2025
6	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K94+000 đến K94+389, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín	K94+000 - K94+389	389	30	2023 - 2024
7	Kè chống sạt lở các vị trí xung yếu thuộc bờ tả sông Đáy, huyện Thanh Oai		18.000	100	2023 - 2025
8	Kè chống sạt lở các vị trí xung yếu thuộc bờ tả sông Đáy, huyện Ứng Hòa		9.300	100	2023 - 2025
9	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Cầu đoạn từ K17+000 đến K28+828 và kè bờ hữu sông Cầu từ K25+530 đến K26+000, huyện Sóc Sơn	K25+530 - K26+000	600	50	2023 - 2026

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KÈ BẢO VỆ
NHỮNG VỊ TRÍ BỜ SÔNG SẠT LỖ CẦN ƯU TIÊN XỬ LÝ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số **17** /KH-UBND ngày **11/01/2023**)



TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo đề Km - Km	Chiều dài (m)	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú	
1	Hữu Hồng	Tổng	41.064	2.500	Bao gồm cả tuyến đê Vân Cốc	
		K0+000-K117+689	11.906	714		
	1.1	Ba Vì		1.800	108	
			K6+500 - K7+100	600	36	
	1.2	Phúc Thọ	K16+800 - K17+500	700	42,0	Bờ sông đang có diễn biến sạt lở
			Thái Hòa	500	30,0	
			K3+100-K3+120 Vân Cốc	30	1,8	Cung sạt dài 30m, rộng từ (1,5-2,0)m, cao từ (2-3)m
			K7+600-K8+200 Vân Cốc	600	36,0	Cung sạt dài 600m, rộng từ (7-15)m, cao (3-4)m cung sạt cách chân đê khoảng 1200m
	1.3	Đan Phượng		3.766	226	
			K8+300 - K10+500 Vân Cốc	3.000	180,0	Đất bãi NN trồng hoa màu đang bị sạt lở
	1.4	Bắc Từ Liêm	K43+070 - K43+200	130	7,8	Bờ sông dốc đứng, cách chân đê khoảng 20-50m, khu vực dân cư sinh sống
			K43+400 - K43+970	570	34,2	Bờ sông dốc đứng, cách chân đê khoảng 20-30m, khu vực dân cư sinh sống
			K44+134 - K44+200	66	4,0	Bờ sông dốc đứng, cách chân đê khoảng 20-30m, khu vực dân cư sinh sống
	1.5	Hoàn Kiếm	K54+700 -K55+300	600	36,0	Hiện trạng mái dốc lớn, hay sạt lở (khi hồ Thủy điện Hòa Bình xả lũ, trong mùa mưa lũ), khi mực nước lên xuống thất thường nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, gây mất an toàn cho bờ sông, tính mạng, tài sản của nhân dân. Đề nghị cho đầu tư xây dựng kè để đảm bảo an toàn bờ sông, tính mạng, tài sản của nhân dân
			K67+300 - K67+650	350	21,0	Bờ sông không ổn định
	1.6	Hai Bà Trưng		1.230	74	

TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo đề Km - Km	Chiều dài (m)	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú	
1.7	Hoàng Mai	K69+650 - K70+150	500	30.0	Bờ sông không ổn định	
		K70+250 - K70+500	250	15.0	Bờ sông không ổn định	
1.8	Thường Tín	K70+500 - K70+980	480	28.8		
2	Tả Hồng	K98+000-K101+050	3.050	183,0	Bờ sông dựng đứng, khu vực này có khu dân cư sinh sống cách mép sông từ 20-40m	
		K28+503 - K77+284	6.466	388		
		2.1	Đông Anh	3.130	188	
		K50+400-K51+080	1.030	61,8	Gần khu dân cư; Đang theo dõi diễn biến sạt lở.	
		K54+800-K55+300	500	30,0	Gần khu dân cư; Đang theo dõi diễn biến sạt lở.	
2.2	Long Biên	K60+800-K61+800	1.600	96,0	Đất bãi sản xuất nông nghiệp	
		K64+126-K66+812	2.686	161,2	Bờ sông khu vực này mới chỉ được thả đá lãng thể hộ chân. Chênh cao từ mặt bãi đến cơ đá lãng thể từ 6-8m, mái dốc đứng thành tiềm ẩn nhiều nguy cơ sạt lở	
		2.3	Gia Lâm	650	39,0	Bờ sông lở đứng thành, gây mất đất sản xuất. Bãi sông SXNN
3	Hữu Đổng	K0+000-K22+447	442	27		
3.1	Long Biên	K10+540- K10+982	442	26,5	Đề nghị gia cố hộ chân	
4	Tả Đổng	K0+000-K22+458	2.860	172		
4.1	Đông Anh	2.360	142			
		K2+000-K2+700	700	42,0	Khu dân cư	
		K3+600-K3+700	150	9,0	Đất sản xuất nông nghiệp	
		K4+000-K4+350	410	24,6	Đất sản xuất nông nghiệp	
		K5+050-K6+150	1.100	66,0	Gần khu dân cư; Đang theo dõi diễn biến sạt lở.	
4.2	Gia Lâm	K12+540 - K13+000	500	30,0	Khu dân cư sát bờ sông, nguy cơ sạt lở Văn bản số 2193/SNN-KHTC ngày 12/7/2021	
5	Hữu Cầu - Sóc Sơn	K17+000-K28+828	2.100	126		
		K19+800 - K20+100	300	18,0		
		K23+178-K23+880	800	48,0		

TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo đề Km - Km	Chiều dài (m)	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
6	Xã Việt Long Tà Cà Lồ - Sóc Sơn	K26+750-K28+828	1.000	60,0	Sạt khu dân cư
		K0+000-K20+252	3.800	228	
		K0+000-K1+400	200	12,0	
		K1+800-K1+900	100	6,0	
		K7+400-K8+800	400	24,0	
		K9+100-K11+800	500	30,0	
		K13+200-K13+500	200	12,0	
		K13+500-K14+700	200	12,0	
		K15+700-K19+400	700	42,0	
		K20+100-K20+252	200	12,0	Sạt khu dân cư
	<i>Khu vực sông không có đề sông Cà Lồ</i>				
7	Xã Tân Dân Xã Thanh Xuân Xã Phú Cường Xã Phú Minh Hữu Cà Lồ - Đông Anh		200	12,0	
			300	18,0	
			500	30,0	
			300	18,0	
		K0+000_K9+065	670	40	
		K3+400-K3+500	170	10,2	Gần khu dân cư; Đang theo dõi diễn biến sạt lở.
		K6+200-K6+300	500	30,0	Đang theo dõi diễn biến sạt lở.
8	Tà Đáy Hà Đông	K0+000-K80+022	1.120	67	
			650	39	
8.1		K19+800 - K22+750	250	15,0	Bờ mái sông dốc
		P Đồng Mai	400	24,0	Bờ mái sông dốc
8.2	Thanh Oai	K38+280 - K42+700	470	28,2	
9	Hữu Đáy	K0+00-K69+670	10.000	600	
	Chương Mỹ		3.100	186	
		Xã Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	1.500	90,0
	Xã Hòa Chính	Xã Hòa Chính	1.600	96,0	
9.2	Mỹ Đức		6.900	414	

TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo đề Km - Km	Chiều dài (m)	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
	Xã Lê Thanh	Thôn Ánh Hạ đi trạm bơm Ánh Thượng	600	36,0	
	Xã Phùng Xá	Thôn Thượng 1, thôn Thượng 2	2.000	120,0	
	Xã Hương Sơn	Cầu Đục đến thôn Tiên Mai	800	48,0	
	Xã An Phú	thôn Phú Thanh đến cầu Ái Nàng và thôn Đồng Văn	3.500	210,0	
10	Hữu Bùi - Chương Mỹ	K0+000-K18+650	1.700	102	
	Xã Mỹ Lương		800	48,0	
	Xã Hồng Phong		900	54,0	





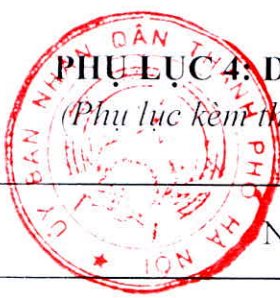
**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC ĐẦU TƯ SỬA CHỮA KÈ BẢO VỆ
NHỮNG VỊ TRÍ KÈ SẠT LỖ CẤP ƯU TIÊN XỬ LÝ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 17 /KH-UBND ngày 11 / 01 /2023)

TT	Quận, huyện, xã	★ Lý trình theo đề Km - Km	Tên kè/ địa danh	Chiều dài (m)	Giá trị tỷ đồng	Ghi chú
1	Tổng Hữu Đà Đê bồi Minh Khánh	K0+00-K9+700		14.068	400,0	
				1.000	25,0	
2	Hữu Hồng Ba Vì	Từ cửa cống Sông Tích đến khu gốc Gạo Thuần Mỹ K0+000-K117+689	Kè Thuần Mỹ	1.000	25,0	Kè hộ chân
				1.189	1.160	29,0
2.1	Xã Phú Cường	K1+050 - K1+310	Kè Thái Hòa	260	6,5	Đá lãng thể hộ chân năm 2008, chưa có kè lát mái
				K8+600 - K9+500	Kè Phú Cường	900
2.2	Phúc Thọ Tuyến đê Vân Cốc	K0+800-K0+900	Kè Cẩm Đình	250	6	
				250	6,3	
2.3	Đan Phượng Tuyến đê hữu Hồng	K2+050-K2+200	Kè Xuân Phú	100	2,5	Nhiều cung sạt mỗi cung dài từ (5-10)m, ăn vào cơ kè (2,5-3)m
				150	3,8	Cung sạt dài 150m, sạt vào mái cơ kè từ (1-1,5)m
2.4	Xã Hồng Hà	K40+350 - K41+950	Kè Hồng Hà	500	12,5	
				200	5,0	Kè hộ chân lát mái. Tháng 2/2020 đoạn từ K40+700-K40+900 bị xói chân đê, hiện đang theo dõi.
2.5	Bắc Từ Liêm	K46+700 - K47+000	Kè Liên Trì	300	7,5	Tháng 2/2019 bị xói chân kè và một số bị sạt mái, hiện đang theo dõi
				226	220	5,5
2.5	Hoàng Mai	K53+760 - K54+200	Kè lát mái thuộc phường Thụy Phương	220	5,5	
				774	755	18,9

TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo đê Km - Km	Tên kè/ địa danh	Chiều dài (m)	Giá trị tỷ đồng	Ghi chú	
2.6	Phường Thanh Trì	K70+980 - K71+735	Kè Thanh Trì	755	18,9	Được xây dựng bằng nguồn vốn ADB từ những năm 1999. Hiện trạng luôn có dòng chảy áp sát chân kè, sập bậc lên xuống đoạn từ K71+000-K71+250, phần hộ chân cũng bị xói lở	
		K86+389-K87+569	Kè Xâm Thị	1.180	29,5	Chân kè ổn định, còn mái kè chưa được lát mái nên có hiện tượng sạt lở	
		K88+800-K89+650	Kè Xâm Thị	850	21,3	Phần đá hộ chân kè bị xói lở cơ kè một số vị trí bị sạt. Một số vị trí rỗng đá bị cuốn trôi	
	Xã Lê Lợi	K95+850-K95+989		135	3,4	Phần đá hộ chân kè bị xói lở cơ kè một số vị trí bị sạt, mái kè xuất hiện một số vết nứt, cơ kè một vị trí bị sạt lở	
		K95+989-K96+400		500	12,5	Một số vị trí rỗng đá bị cuốn trôi	
2.7	Phú Xuyên	K96+850-K97+100	Kè An Cảnh	300	7,5	Phần đá hộ chân kè bị xói lở cơ kè một số vị trí bị sạt, mái kè xuất hiện một số vết nứt, cơ kè một vị trí bị sạt lở	
				871	850	21,3	Một số vị trí rỗng đá bị cuốn trôi
3	Xã Nam Tiến	K103+650-K104+500	Kè Cát Bi	850	21,3	Phần đá hộ chân kè bị xói lở cơ kè một số vị trí bị sạt, một số vị trí mái kè bị bong xô, cơ kè một vị trí bị sạt lở.	
3.1	Xã Quang Lãng	K118+039-K118+189	Kè Quang Lãng	150	3,8	Phần đá hộ chân kè bị xói lở. Nhiều vị trí đã có hiện tượng xô lệch, bong tróc.	
		K43+450 - K44+100	Kè Văn Khê	650	16,3	Nhiều vị trí đã có hiện tượng xô lệch, bong tróc.	
3.2	Xã Gia Lâm			1.247	1.217	30,4	
		K76+400 - K77+284	Kè Bát Trảng	1.217	30,4	Phần mái và đỉnh kè chưa được đầu tư, chống sạt lở khu vực dân cư. Trên tuyến kè từ K77+100-K77+150 (đài 80m) đã được chia khung ô bê tông và lát mái.	
4	Hữu Đuống Long Biên	K0+000-K22+447		1.050	26,3		
5	Xã Đuống Gia Lâm			1.050	26,3		
		K3+700-K4+750		1.050	26,3		
		K0+000-K22+458		3.133	78,3	Đang bị sạt lở, đề nghị cho gia cố hộ chân	
		K8+212 - K22+458		3.211	3.133	78,3	

TT	Quận, huyện, xã	Lý trình theo dề Km - Km	Tên kê/ địa danh	Chiều dài (m)	Giá trị tỷ đồng	Ghi chú
6	Tả Cà Lồ - Sóc Sơn	K8+440 - K8+850	Kề Đông Viên	550	13,8	Kề xây dựng từ lâu, hệ thống khung ô mái kê xây bằng gạch chi; xuất hiện sụt mái kê cục bộ Kề xây dựng từ lâu; hệ thống thoát nước và đường đỉnh kê hư hỏng, không hoàn chỉnh; mái kê xây bằng gạch chi, thấm phủ thực vật trên mái phát triển, nhiều điểm lún sụt.
		K17+950 - K18+750		850	21,3	
		K20+725 - K22+458		1.733	43,3	
7	Hữu Cà Lồ - Đông Anh	K0+000-K20+252 K4+300-K4+800	Kề Yên Phú	800 800	20,0 20,0	Lát mái, thả đá hộc hộ chân. Mái kê bị bong xô nhẹ, lún sụt.
8	Tả Đáy	K0+000_K9+065 K0+800-K1+700;	Kề Xuân Nộn	900 900	22,5 22,5	
<i>Ứng Hòa</i>	K0+000-K80+022	<i>343</i>	335 <i>335</i>	8,4 <i>8,4</i>		
		K45+940 - K46+275	Kề trung tâm người tàn tật xã Viên An	335	8,4	Sụt lún mái kê



PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 17 /KH-UBND ngày 11 / 01 /2023)

TT	Nội dung	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
1	Điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu	1.000.000.000	Hoàn thành năm 2025
1.1	Điều tra cơ bản về sạt lở (Biến động đường bờ sông; diễn biến đường lạch sâu; dân cư và công trình hạ tầng ven sông; công trình phòng chống sạt lở):	500.000.000	
1.2	Điều tra đánh giá diễn biến bùn cát, các yếu tố thủy văn tác động đến sạt lở bờ sông (Điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát; điều tra, đánh giá tác động của phương tiện vận tải thủy; điều tra, đánh giá tác động các yếu tố thủy văn):	500.000.000	
2	Xây dựng hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở, lòng dẫn	2.500.000.000	Hoàn thành năm 2025
2.1	Khảo sát hiện trạng lòng dẫn tại các vị trí (Công trình phòng chống sạt lở; khu dân cư và công trình hạ tầng ven sông):	1.000.000.000	
2.2	Xây dựng hệ thống mốc quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở (Công trình phòng chống sạt lở; khu dân cư và công trình hạ tầng ven sông):	1.000.000.000	
2.3	Lắp đặt hệ thống camera giám sát sạt lở, lòng dẫn	500.000.000	
3	Nghiên cứu giải pháp công nghệ phục vụ phòng chống sạt lở	2.000.000.000	Hoàn thành năm 2030
3.1	Nghiên cứu ảnh hưởng của thủy điện đến chế độ thủy lực, bùn cát, sạt lở	1.000.000.000	
3.2	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của nước ngầm, nước mưa đến sạt lở	500.000.000	
3.3	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi lòng dẫn (lạch sâu) đến sạt lở	500.000.000	
4	Điều tra, nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy và các yếu tố có tác động gây ra sạt lở tại các khu vực trọng điểm, xung yếu (20 khu vực)	10.000.000.000	Hoàn thành năm 2030
5	Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tổ chức và người dân về phòng, chống sạt lở bờ sông	4.500.000.000	Hoàn thành năm 2030
Tổng cộng:		20.000.000.000	